

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công

1.1. Giải pháp kỹ thuật:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	- Có giải pháp bố trí mặt bằng công trường hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng theo hồ sơ thiết kế và kèm theo bản vẽ bố trí tổng mặt bằng tổ chức thi công đầy đủ theo yêu cầu. - Có thuyết minh giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc và bản vẽ thể hiện biện pháp bố trí trong quá trình thi công.	Đạt
1.1.1 Tổ chức mặt bằng công trường: Bố trí khu vực thi công trên mặt bằng phù hợp với hiện trạng theo hồ sơ thiết kế, đảm bảo điều kiện để tổ chức thi công. Thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công.	- Giải pháp bố trí mặt bằng công trường không hợp lý hoặc không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công hoặc tiến độ thi công hoặc hiện trạng công trình hoặc bố trí thiếu theo yêu cầu mục 1.1.1 hoặc không kèm theo bản vẽ bố trí tổng mặt bằng tổ chức thi công đúng, phù hợp với hiện trạng công trình. - Hoặc không có bản vẽ thể hiện + thuyết minh bố trí hệ thống hàng rào tạm, sân bãi tập kết vật liệu, đường tạm phù hợp với tiến độ thi công (như tiến độ thi công lập ở phần 2 - tiến độ thi công), không có thuyết minh các số liệu tính toán diện tích sân bãi, kho tàng theo từng đợt thi công. Hoặc có nhưng không rõ ràng và hợp lý. - Hoặc không có thuyết minh giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc và bản vẽ thể hiện biện pháp bố trí trong quá trình thi công.	Không đạt
	- Nhà thầu đề xuất được giải pháp kỹ	Đạt

1.1.2. Giải pháp kỹ thuật tổ chức thi công chi tiết cho các hạng mục: - Nhà làm việc: Tháo bỏ mái ngói, cầu phong, li tô, xà gồ, thay bằng xà gồ thép hộp (50x100x1,8)mm, mái lợp tôn mạ màu dày 0,45mm; vệ sinh sê nô mái, bóc lớp vữa trát cũ, lán nền sê nô chống thấm mái, lắp đặt ống thoát nước. Tháo dỡ nền gạch cũ, đắp cát tôn nền, đổ lớp bê tông lót đá (4x6)mm dày 100mm, lán vữa tạo phẳng, lát mới bằng gạch men (400x400)mm, ốp chân tường gạch men (150x400)mm; đục lớp vữa trát tường cũ, trát lại tường trong và ngoài nhà. Cạo vôi trần sê nô, bả ma tít, lăn sơn tường trần sê nô. Tháo dỡ hệ thống cửa hư hỏng thay mới hệ thống cửa đi và cửa sổ bằng khung nhôm kính. Tháo bỏ trần ván ép hư hỏng, đóng mới trần thạch cao; tháo bỏ hệ thống điện hư hỏng làm mới hệ thống điện. - Nhà bếp, kho: Tháo bỏ mái ngói, li tô, cầu phong, xà gồ, thay bằng xà gồ thép hộp (50x100x1,8)mm, lợp mái tôn mạ màu dày 0,45mm. Tháo dỡ nền gạch cũ, đắp cát tôn nền, đổ lớp bê tông lót đá (4x6)mm, dày 100mm, lát nền bằng gạch men (400x400)mm, ốp chân tường gạch men (150x400)mm. Đục lớp vữa cũ, trát lại tường đã đục; cạo vôi cũ bả ma tít, lăn sơn tường trong và ngoài nhà; tháo dỡ hệ thống cửa hư hỏng thay mới hệ thống cửa đi và cửa sổ, lắp đặt mới khung bảo vệ cửa sổ. Tháo bỏ trần ván ép hư hỏng, đóng mới trần thạch cao; tháo	thuật hợp lý chi tiết đầy đủ các hạng mục (trong đó nêu rõ vật tư, thiết bị, phương tiện thi công.....) theo yêu cầu, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng theo hồ sơ thiết kế và đáp ứng quy trình, tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu hiện hành. - Thuyết minh nêu rõ trình tự thi công đầy đủ cho từng hạng mục yêu cầu, trong đó có đề xuất thời gian thi công cho từng hạng mục. Tất cả phù hợp với đề xuất tại bảng tiến độ thi công	
	Không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ, không chi tiết hoặc nội dung đề xuất không đáp ứng theo các yêu cầu trên.	Không đạt

bỏ hệ thống điện hư hỏng làm mới hệ thống điện. - Khu nhà tắm và vệ sinh: Tháo dỡ mái tôn, xà gỗ gỗ; thay mới bằng xà gỗ thép hộp (50x100x1,8)mm, lợp mái tôn mạ màu dày 0,45mm. Đắp cát tôn nền, đổ lớp bê tông đá (4x6)mm, dày 100mm, láng vữa tạo phẳng; lát gạch men (250x250)mm, ốp tường bằng gạch men (250x400)mm, cao 2,0m. Đục lớp vữa cũ, trát vữa, bả ma tít lăn sơn tường trong và ngoài nhà. Thay mới hệ thống cửa đi bằng khung nhôm kính mờ; tháo bỏ trần ván ép hư hỏng, đóng mới trần thạch cao. Lắp đặt đồng bộ hệ thống điện và cấp, thoát nước. - Hạ tầng kỹ thuật: + Sân đường nội bộ diện tích 82,49 m²: Nâng nền lên 0,5 m. Xây bó nền tường gạch dày 200 vữa mác 75, trát tường bó nền; đắp lớp cát san lấp dày 30cm; đổ lớp bê tông đá (4x6)mm, dày 100mm, vữa mác 150; Đổ lớp bê tông đá (1x2)mm, mác 200. dày 100mm. + Cổng hàng rào dài 67,5 m: Xây mới cổng tường rào; móng đơn gia cố bằng cừ tràm đường kính gốc 8-10cm, dài 3,5m mật độ 25 cây/m²; móng cột, giằng móng bê tông cốt thép; tường xây gạch ống dày 100mm, cao 2,0m vữa mác 75, trát, bả ma tít, lăn sơn. Làm mới cổng vào bằng thép hộp. - Vận chuyển đồ thải theo yêu cầu của E-HSMT và theo Hồ sơ thiết kế được duyệt.		
--	--	--

1.1.3. Biện pháp bảo vệ các công trình lân cận, có cam kết bồi thường, sửa chữa khắc phục những hư hỏng do quá trình thi công gây ra	- Có đề xuất biện pháp bảo vệ các công trình, vật kiến trúc lân cận hợp lý. - Có cam kết bồi thường, sửa chữa khắc phục những hư hỏng do quá trình thi công gây ra	Đạt
	- Nội dung đề xuất không có hoặc có nhưng không thuộc 1 trong các trường hợp đánh giá nêu trên.	Không đạt
Kết luận	Cả 03 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt	Đạt
	Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt	Không đạt

1.2. Biện pháp tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
1.2.1 Biện pháp tổ chức thi công chi tiết từng hạng mục: - Nhà làm việc: Tháo bỏ mái ngói, cầu phong, li tô, xà gồ, thay bằng xà gồ thép hộp (50x100x1,8)mm, mái lợp tôn mạ màu dày 0,45mm; vệ sinh sê nô mái, bóc lớp vữa trát cũ, láng nền sê nô chống thấm mái, lắp đặt ống thoát nước. Tháo dỡ nền gạch cũ, đắp cát tôn nền, đổ lớp bê tông lót đá (4x6)mm dày 100mm, láng vữa tạo phẳng, lát mới bằng gạch men (400x400)mm, ốp chân tường gạch men (150x400)mm; đục lớp vữa trát tường cũ, trát lại tường trong và ngoài nhà. Cạo vôi trần sê nô, bả ma tít, lăn sơn tường trần sê nô. Tháo dỡ hệ thống cửa hư hỏng thay mới hệ thống cửa đi và cửa sổ bằng khung nhôm kính. Tháo bỏ trần ván ép hư hỏng, đóng mới trần thạch cao; tháo bỏ hệ thống điện hư hỏng làm mới hệ thống điện.	Có đề xuất biện pháp hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng theo hồ sơ thiết kế. Không đề xuất hoặc đề xuất thiếu hoặc đề xuất không phù hợp

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
- Nhà bếp, kho: Tháo bỏ mái ngói, li tô, cầu phong, xà gồ, thay bằng xà gồ thép hộp (50x100x1,8)mm, lợp mái tôn mạ màu dày 0,45mm. Tháo dỡ nền gạch cũ, đắp cát tôn nền, đổ lớp bê tông lót đá (4x6)mm, dày 100mm, lát nền bằng gạch men (400x400)mm, ốp chân tường gạch men (150x400)mm. Đục lớp vữa cũ, trát lại tường đã đục; cạo vôi cũ bả ma tít, lăn sơn tường trong và ngoài nhà; tháo dỡ hệ thống cửa hư hỏng thay mới hệ thống cửa đi và cửa sổ, lắp đặt mới khung bảo vệ cửa sổ. Tháo bỏ trần ván ép hư hỏng, đóng mới trần thạch cao; tháo bỏ hệ thống điện hư hỏng làm mới hệ thống điện. - Khu nhà tắm và vệ sinh: Tháo dỡ mái tôn, xà gồ gỗ; thay mới bằng xà gồ thép hộp (50x100x1,8)mm, lợp mái tôn mạ màu dày 0,45mm. Đắp cát tôn nền, đổ lớp bê tông đá (4x6)mm, dày 100mm, láng vữa tạo phẳng; lát gạch men (250x250)mm, ốp tường bằng gạch men (250x400)mm, cao 2,0m. Đục lớp vữa cũ, trát vá, bả ma tít lăn sơn tường trong và ngoài nhà. Thay mới hệ thống cửa đi bằng khung nhôm kính mờ; tháo bỏ trần ván ép hư hỏng, đóng mới trần thạch cao. Lắp đặt đồng bộ hệ thống điện và cấp, thoát nước. - Hạ tầng kỹ thuật: + Sân đường nội bộ diện tích 82,49 m²: Nâng nền lên 0,5 m. Xây bó nền tường gạch dày 200 vữa mác 75, trát tường bó nền;		

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
đắp lớp cát san lấp dày 30cm; đổ lớp bê tông đá (4x6)mm, dày 100mm, vữa mác 150; Đổ lớp bê tông đá (1x2)mm, mác 200. dày 100mm. + Công hàng rào dài 67,5 m: Xây mới công tường rào; móng đơn gia cố bằng cừ tràm đường kính gốc 8-10cm, dài 3,5m mật độ 25 cây/m²; móng cột, giằng móng bê tông cốt thép; tường xây gạch ống dày 100mm, cao 2,0m vữa mác 75, trát, bả ma tít, lăn sơn. Làm mới cổng vào bằng thép hộp. - Vận chuyển đồ thải theo yêu cầu của E-HSMT và theo Hồ sơ thiết kế được duyệt.		
1.2.2 Quản lý an toàn cho công trình và cư dân xung quanh công trường:	Có đề xuất biện pháp hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công xây dựng.	Đạt
- Biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình liền kề; - Bảo vệ các công trình hạ tầng, cây xanh trong khu vực xung quanh; - An toàn cho cư dân xung quanh công trường. - Bảo vệ an ninh công trường, quản lý nhân lực, thiết bị.	Không đề xuất hoặc đề xuất không phù hợp	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

2. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1 Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 60 ngày, kể cả ngày nghỉ, lễ, tết, có tính điều kiện thời tiết kể từ	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 60 ngày.	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá	Không đạt

ngày khởi công	60 ngày.	
2.2. Tính phù hợp:	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b).	Đạt
a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công		
b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b).	Không đạt
2.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Có biểu tiến độ thi công thể hiện thời gian bắt đầu và kết thúc của từng công việc theo hồ sơ thiết kế được duyệt hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Đạt
	Không có biểu tiến độ thi công hoặc có biểu tiến độ thi công nhưng đáp ứng đầy đủ các công việc, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	Không đạt
2.4 Biện pháp bảo đảm tiến độ thi công, duy trì thi công khi mất điện, trời mưa	Có đề xuất và thuyết minh biện pháp đảm bảo tiến độ thi công, duy trì thi công khi mất điện, trời mưa	Đạt
	Không đề xuất hoặc không thuyết minh biện pháp đảm bảo tiến độ thi công, duy trì thi công khi mất điện, trời mưa hoặc đề xuất, thuyết minh nhưng không hợp lý, không phù hợp với gói thầu	Không đạt
Kết luận	Cả 4 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

3. Cách thức quản lý công trình bao gồm: Tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động

3.1 Tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Tổ chức Bộ máy quản lý của nhà thầu cho gói thầu	- Có sơ đồ tổ chức hiện trường phù hợp với yêu cầu của gói thầu. - Có thuyết minh đầy đủ rõ ràng sơ đồ tổ chức hiện trường trong đó nêu rõ nhiệm vụ của từng bộ phận trong Bộ máy quản lý của nhà thầu;	Đạt

	- Mô tả mối quan hệ giữa công ty và cán bộ quản lý, kỹ thuật trực tiếp thi công tại công trường, trách nhiệm cụ thể cán bộ quản lý, kỹ thuật trực tiếp thi công tại công trường, biện pháp quản lý nhân sự trên công trường.	
	Không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ hoặc nội dung đề xuất không đáp ứng theo các yêu cầu trên.	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt

3.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.2.1 Quản lý chất lượng: - Quản lý chất lượng vật tư: các quy trình kiểm tra chất lượng vật tư, tiếp nhận, lưu kho, bảo quản; - Quản lý chất lượng cho từng loại công tác thi công: quy trình lập biện pháp thi công, thi công, kiểm tra, nghiệm thu; - Biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão. - Sửa chữa hư hỏng.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công hoặc đề xuất thiếu các biện pháp quản lý chất lượng.	Không đạt
3.2.2 Biện pháp bảo đảm chất lượng vật tư, vật liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

3.3 Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.3.1 An toàn lao động Biện pháp đảm bảo an toàn lao động: Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động; Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công; An toàn giao thông ra vào công trường; Bảo đảm an ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị; Quản lý an toàn cho công trình và cư dân xung quanh công trường.	Có đầy đủ, rõ ràng các nội dung biện pháp đảm bảo an toàn lao động: Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động; Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công; An toàn giao thông ra vào công trường; Bảo đảm an ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị; Quản lý an toàn cho công trình và cư dân xung quanh công trường.	Đạt
	Nhà thầu không trình bày hoặc trình bày không đầy đủ nội dung trên hoặc có đủ nhưng sơ sài, chưa rõ ràng	Không đạt
3.3.2. Phòng cháy, chữa cháy Biện pháp phòng cháy, chữa cháy: Quy định, quy phạm tiêu chuẩn; Các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ; Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ.	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy: Quy định, quy phạm tiêu chuẩn; Các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ; Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ đầy đủ, rõ ràng	Đạt
	Nhà thầu không trình bày hoặc trình bày không đầy đủ nội dung trên hoặc có đủ nhưng sơ sài, chưa rõ ràng.	Không đạt
3.3.3 Vệ sinh môi trường Biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường: Tiếng ồn; bụi và khói; rung; kiểm soát nước thải, kiểm soát rác thải, vệ sinh đầy đủ, rõ ràng	Có biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường: Tiếng ồn; bụi và khói; rung; kiểm soát nước thải, kiểm soát rác thải, vệ sinh đầy đủ, rõ ràng	Đạt
	Nhà thầu không trình bày hoặc trình bày không đầy đủ nội dung trên hoặc có đủ nhưng sơ sài, chưa rõ ràng	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

4. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Thời gian bảo hành, bảo trì	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng. Thuyết minh chi tiết chế độ bảo hành,	Đạt

	bảo trì đáp ứng với yêu cầu gói thầu	
	Không có đề xuất thời gian bảo hành, bảo trì hoặc Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng. - Hoặc đáp ứng về thời gian nhưng có kèm theo điều kiện trái với quy định của Nghị định số 06/2021/NĐCP. - Hoặc không có thuyết minh chiết, chế độ bảo hành bảo trì hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi.	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt

5. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	- Không vi phạm thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP Nhà thầu trình bày và có văn bản cam kết cho toàn bộ nội dung tại mục đánh giá này trường hợp cam kết không trung thực sẽ bị đánh giá là gian lận và bị xử lý theo quy định của Luật đấu thầu.	Đạt
	- Nhà thầu vi phạm thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP Không có trình bày hoặc không có văn bản cam kết hoặc có trình bày và văn bản cam kết nhưng Chủ đầu tư, tổ chuyên gia phát hiện cam kết không trung thực nhà thầu vi phạm thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt

6. Các yếu tố cần thiết khác

6.1 Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.1.1 Đối với các vật tư, vật liệu, thiết bị: (theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế)	Có cam kết cung cấp vật tư, vật liệu, thiết bị có nguồn gốc rõ ràng đảm bảo chất lượng đáp ứng yêu cầu được quy định tại Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật, các chỉ tiêu về thiết kế được duyệt và cung cấp tài liệu, pháp lý liên quan khi có yêu cầu của chủ đầu tư và trước khi đưa vào công trình thi công lắp đặt.	Đạt
	Không có cam kết hoặc có nhưng không đáp ứng	Không đạt
6.1.2. Nêu rõ nguồn vật tư, vật liệu, thiết bị cung cấp cho công trình, phương án vận chuyển đến chân công trình các loại vật tư, vật liệu, thiết bị theo yêu cầu tại mục 6.1.1	- Có nêu rõ nguồn gốc vật tư, vật liệu, thiết bị cung cấp, phương án vận chuyển, vật tư, vật liệu, thiết bị theo yêu cầu tại mục 6.1.1 - Có lập bảng danh mục ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ của các loại vật tư, vật liệu, thiết bị theo yêu cầu tại mục 6.1.1 và theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT - Các vật tư, vật liệu, thiết bị đáp ứng được thông số kỹ thuật của hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt. - Nhà thầu phải có biện pháp chi tiết để cung cấp đúng chủng loại vật tư, vật liệu, thiết bị thuộc phạm vi gói thầu, đáp ứng yêu cầu được quy định tại Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật, các chỉ tiêu về thiết kế được duyệt và phù hợp với thị trường thuộc khu vực xây dựng gói thầu.	Đạt
	- Không nêu rõ nguồn vật tư, vật liệu, thiết bị cung cấp, phương án vận chuyển các loại vật tư, vật liệu, thiết bị theo yêu cầu tại mục 1.1 hoặc có nêu nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật; - Không lập bảng danh mục hoặc có nhưng không nêu rõ nguồn gốc xuất xứ của các loại vật tư, vật liệu theo yêu cầu tại mục 6.1.1 và Chương V. - Các vật tư, vật liệu, thiết bị không đáp ứng được thông số kỹ thuật của hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt.	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	- Nhà thầu lập biện pháp cung cấp vật tư, vật liệu, thiết bị nhưng chỉ đáp ứng một số nội dung, không đáp ứng yêu cầu được quy định tại Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật và các chỉ tiêu về thiết kế được duyệt hoặc không nêu hoặc có nêu nhưng bất cập và trái với thị trường thuộc khu vực xây dựng gói thầu.	
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

6.2 Cam kết đền bù

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Cam kết đền bù những hư hỏng do nhà thầu gây ra trong quá trình thi công xây dựng	Nhà thầu phải có văn bản cam kết đền bù những hư hỏng các công trình hạ tầng kỹ thuật (ngầm và nổi) trên phạm vi thực hiện gói thầu hoặc các công trình, nhà dân lân cận do nhà thầu gây ra trong quá trình thi công xây dựng đảm bảo đúng nội dung theo mẫu của E-HSMT.	Đạt
	Nhà thầu không có văn bản cam kết đền bù những hư hỏng các công trình hạ tầng kỹ thuật (ngầm và nổi) trên phạm vi thực hiện gói thầu hoặc các công trình, nhà dân lân cận do nhà thầu gây ra trong quá trình thi công xây dựng	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt

6.3 Quản lý tài liệu, hồ sơ trong quá trình thực hiện

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Quản lý tài liệu, hồ sơ trong quá trình thực hiện	Có đề xuất biện pháp hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng theo hồ sơ thiết kế.	Đạt
	Không đề xuất hoặc đề xuất thiếu hoặc đề xuất không phù hợp	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.	Không đạt

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.